TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **11**/2020/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 13 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Bà **Trần Thị Bích T** - sinh năm 1994

Ông **Nguyễn Kim T2** - sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Tổ 23, phường H, quận L, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2 xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2012 tại Ủy ban nhân dân phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 122/2012, quyển số 01/2012), hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp. Nay ông bà xác định không còn tình cảm nên làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2 xác nhận có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao bà Trần Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Kim Long, sinh ngày 01/01/2013 đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Kim T2 cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Kim Long mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/02/2020.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2 xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2 xác nhận không nợ chung, không ai nợ chung bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2 chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0004156 ngày 02/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đ. Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2 đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sơ thẩm.

Xét thấy: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2 quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống. Việc ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của ông bà về việc yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn".

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa người yêu cầu:

Bà **Trần Thị Bích T** - sinh năm 1994

Ông **Nguyễn Kim T2** - sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Tổ 23, phường H, quận L, thành phố Đ.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2 thuận tình ly hôn.

1.2. Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2 xác nhận ông bà có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận việc nuôi con chung như sau: Giao bà Trần Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Kim Long, sinh ngày 01/01/2013 đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Kim T2 cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Kim Long mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn) đến khi con chung Nguyễn Kim Long đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/02/2020.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2 xác nhận ông bà không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2 xác nhận ông bà không nợ chung, không ai nợ chung bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2 chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0004156 ngày 02/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đ. Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Kim T2 đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, TP Đ;
- Chi cục THADS quận L;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Xuân Hương